

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST

Ngày 22-9-2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Phúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Chuông và ông Nguyễn Chí Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**Vũ Văn T**, sinh năm 1994, tại Kim Thành; tên gọi khác: Nghi.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N và bà Vũ Thị K; có vợ là Trần Thu N và 02 con, con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Vũ Văn T bị Công an huyện Kim Thành xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản tại Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 16/2/2014. T đã nộp phạt xong ngày 01/4/2014.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

**Bị hại:** Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh TP.

Địa chỉ: Số 199 đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông X – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông LLZHEN M – Giám đốc chi nhánh - Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh TP – chi nhánh Bắc Ninh theo giấy uỷ quyền số 71/2019/GUQ-CN-BN ngày 18/10/2019.

Địa chỉ chi nhánh: Lô 3, Cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người được uỷ quyền lại: Bà Trương Thị HM – Nhân viên pháp chế của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh TP – chi nhánh Bắc Ninh theo giấy uỷ

quyền số 1004/2020/JTBN ngày 10/4/2020. **Bà Mai có mặt.**

**Người làm chứng:**

1. Chị Hà Thị C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Lưu Thượng, phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Nội, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Chị Chi, chị Tâm đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh TP (sau đây gọi tắt là Công ty) uỷ quyền cho chi nhánh của Công ty tại Bắc Ninh, địa chỉ tại: Cụm công nghiệp Võ Cường, Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo giấy uỷ quyền số 71/2019/GUQ-CN-BN ngày 18/10/2019. Ngày 22/6/2019, Vũ Văn T (tên gọi khác: Nghi) ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh TP – chi nhánh Bắc Ninh, làm việc tại Bưu cục Kinh Môn, địa chỉ: số 348 đường Trần Hưng Đạo, thị xã Kinh Môn, Hải Dương. Công việc T được giao là nhân viên giao nhận tại bưu cục, sáng hàng ngày đến bưu cục nhận các đơn hàng rồi đi giao cho khách hàng, nhận tiền, cuối ngày khoảng 19 giờ 30 phút nộp toàn bộ số tiền đã thu của khách hàng và số đơn hàng chưa giao được cho nhân viên tại bưu cục.

Sáng ngày 03/01/2020 T đến bưu cục nhận hàng đi giao cho khách, trong đó có mã đơn hàng 842016539575 giao cho chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1989 ở Phú Thù, Kinh Môn, Hải Dương. Sau khi giao hàng và thu số tiền là 9.207.000 đồng của chị Nhung, T nảy sinh ý định lấy số tiền này để chi tiêu cá nhân. T lấy lại giấy in mã vạch đơn hàng trên bưu phẩm và sử dụng ứng dụng trên điện thoại của mình quét mã vạch đưa hàng về trạng thái “kiện bất thường” (tức là thay đổi thời gian giao hàng). Đến cuối ngày T về bưu cục để giao tiền, giao lại số hàng chưa giao được cho nhân viên bưu cục, thấy nhân viên bưu cục không để ý T sử dụng máy quét mã vạch của bưu cục quét mã vạch đơn hàng đã giao cho chị Nhung đưa về trạng thái hàng lưu kho (khi ghi nhận về trạng thái này thì hệ thống ghi nhận đơn hàng đã quay về kho nên T không phải nộp tiền về công ty), T đã chiếm đoạt được số tiền này. Sau đó, T tiếp tục sử dụng phương thức như trên để nhiều lần chiếm đoạt tài sản của Công ty, cụ thể:

Ngày 09/01/2020, sau khi giao cho anh Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1989, ở An Lưu, Kinh Môn, 02 đơn hàng có mã là 812015028673 và 812015028872 và thu của anh Minh số tiền là 6.074.890 đồng, T chiếm đoạt số tiền này.

Ngày 10/01/2020, T đi giao đơn hàng mã số 842017113658 cho chị Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1990 ở Thăng Long, Kinh Môn và thu số tiền 1.980.000 đồng, T chiếm đoạt số tiền này.

Ngày 12/01/2020, T đi giao nhiều đơn hàng, trong đó có các đơn hàng mã số 842017355802 giao cho anh Phạm Văn Trường, sinh năm 1975 ở Thượng

Quận, Kinh Môn, thu của anh Trường số tiền 2.400.000 đồng. Giao đơn hàng mã số 842017286608 cho anh Hoàng Văn Nghĩa, sinh năm 1980 ở Thái Thịnh, Kinh Môn, thu số tiền 1.300.000 đồng. Giao đơn hàng mã số 842017285071 cho chị Vũ Thị Dung, sinh năm 1979 ở Lạc Long, Kinh Môn, thu số tiền 798.000 đồng. Giao đơn hàng mã 842017216013 cho anh Đình Xuân Tấn, sinh năm 1967 ở Hiệp Sơn, Kinh Môn, thu số tiền 1.500.000 đồng, T chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

Ngày 13/01/2020, T đi giao nhiều đơn hàng, trong đó có các đơn hàng mã số 842117404226 giao cho chị Nguyễn Thị Cẩm, sinh năm 1990 ở Quang Thành, Kinh Môn, thu số tiền 835.001 đồng. Giao đơn hàng mã 842017483413 cho anh Phạm Văn Thanh, sinh năm 1993 tại khu vực bến phà Mây, Thăng Long, Kinh Môn, thu số tiền là 1.360.000 đồng và mã đơn hàng số 842017370159 cho anh Nguyễn Văn Tứ, sinh năm 1988 ở Hiệp Hòa, Kinh Môn, thu số tiền 1.350.000 đồng. T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

Ngoài ra trong ngày 13/1/2020 T còn đi giao hai mã đơn hàng là 842017161708 cho chị Đào Thị Hường, sinh năm 1993 làm ở UBND xã Lạc Long, Kinh Môn, giá trị của đơn hàng là 835.000 đồng, nhưng chị Hường không nhận hàng; giao đơn hàng có mã số 812015162756 có giá trị 1.700.000 đồng nhưng không liên lạc được với khách hàng. Cuối ngày về bưu cục nộp tiền T cũng không nộp lại 02 đơn hàng này cho bưu cục mà chiếm đoạt 02 đơn này đem về nhà, định để cho vợ sử dụng thì bị mất.

Đến ngày 14/1/2020, T tự ý nghỉ việc tại Bưu cục Kinh Môn. Ngày 16/1/2020, nhân viên bưu cục Kinh Môn đã phát hiện trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2020 đến 13/01/2020, T đã nhận 13 mã đơn hàng trên đi giao cho khách nhưng T không ký nhận đã giao hàng cho khách và nộp tiền về cho công ty. Nhân viên bưu cục đã liên lạc với T, T thừa nhận đã lấy tiền và 02 gói hàng của 13 đơn hàng trên. Đại diện của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh TP đã nhiều lần liên lạc với T yêu cầu trả lại số tiền của 13 đơn hàng, tổng số tiền là 29.339.891 đồng nhưng T không trả.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 30/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố Vũ Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là: BLHS).

*Tại phiên tòa:*

Bị cáo xác định chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để đăng nhập hệ thống báo tình trạng đơn hàng, sau khi nghỉ việc tại Công ty đã bị mất nên không thể giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố về số lần, số tiền chiếm đoạt của Công ty, về tội danh và điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt: HĐXX) chiếu cố giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty số tiền 29.339.891 đồng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa

trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T (tên gọi khác: Nghi) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt Vũ Văn T từ 21 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc Vũ Văn T bồi thường cho Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh TP số tiền 29.339.891 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng: HĐXX xác định hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo Vũ Văn T có tội và áp dụng pháp luật: Bị cáo Vũ Văn T làm việc theo hợp đồng lao động cho Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh TP, chi nhánh Bắc Ninh, ở bưu cục Kinh Môn, địa chỉ: Số 348 đường Trần Hưng Đạo, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, từ tháng 6 năm 2019. Nhiệm vụ chính của T là sáng đến bưu cục nhận hàng, đi giao hàng cho khách, thu tiền và cuối ngày phải nộp tiền thu của khách và hàng chưa giao được về bưu cục. Đến đầu tháng 01/2020, sau khi nhận tiền một số đơn hàng, T không nộp về Công ty, T giữ lại giấy có in mã vạch của kiện hàng đã giao cho khách rồi dùng điện thoại của mình đăng nhập tài khoản quản lý mã hàng để đưa hàng về tình trạng kiện bất thường (tức là chưa giao được hàng cho khách, thay đổi thời gian giao hàng), sau đó T đem giấy có in mã vạch về bưu cục tại địa chỉ: Số 348 đường Trần Hưng Đạo, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, nhân lúc nhân viên quản lý không để ý đã sử dụng máy quét mã vạch của bưu cục để đưa hàng về tình trạng lưu kho và chiếm đoạt số tiền tương ứng của kiện hàng. Bằng thủ đoạn này, T đã chiếm đoạt 9.207.000 đồng vào ngày 03/01/2020; 6.074.890 đồng vào ngày 09/01/2020; 1.980.000 đồng vào ngày 10/01/2020; 5.998.000 đồng vào ngày 12/01/2020; 6.080.001 đồng vào ngày 13/01/2020 của Công ty. Tổng số tiền T chiếm đoạt là 29.339.891 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên vì mục đích có tiền tiêu sài cá nhân, sau khi giao hàng, nhận tiền xong, T đã dùng thủ đoạn gian dối, nhiều lần chiếm đoạt tiền của Công ty, trực tiếp xâm phạm quyền sở

hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố để toà án xét xử bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[3] *Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, HĐXX xác định là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo không có tiền án, tiền sự; về nhân thân, năm 2014 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản; về tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy cần có mức án phù hợp buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:* Số tiền bị cáo T chiếm đoạt đến nay chưa bồi thường cho Công ty, đại diện Công ty yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là có căn cứ. Do vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV chuyên phát nhanh TP số tiền 29.339.891 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Đối với điện thoại di động bị cáo sử dụng đăng nhập tài khoản thể hiện tình trạng giao hàng, sau khi nghỉ việc tại Công ty, bị cáo đã làm mất, không thu hồi được nên không xử lý.

[7] *Về án phí:* Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1/ Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T (tên gọi khác: Nghi) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

**2/ Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 23 (hai mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

**3/ Về trách nhiệm dân sự:** Buộc Vũ Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV chuyên phát nhanh TP, địa chỉ: Số 199 đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh số tiền 29.339.891 đồng

theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**4/ Về án phí:** Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.466.000 (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5/ Bị cáo, bị hại** được quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo Vũ Văn T;
- Bị hại;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQĐT CA thị xã Kinh Môn;
- CQ THAHS;
- CCTHADS thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Văn Phúc**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Quốc Huy   Nguyễn Chí Dũng**

**Đào Văn Phúc**

### **Nơi nhận:**

- Bị cáo Vũ Văn T;
- Chị Lê Thị Nga;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQĐT CA thị xã Kinh Môn;
- Trại tạm giam–Công an tỉnh Hải Dương;
- CQ THAHS;
- CCTHADS thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Văn Phúc**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Quốc Huy   Nguyễn Chí Dũng**

**Đào Văn Phúc**



